

Số 09 /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất hoá, lý giống nhau trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 hướng dẫn thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế tài nguyên; Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hoá giống nhau; Thông tư 41/2024/TT-BTC ngày 20/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hoá giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế tài nguyên;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 471/STC-TTr ngày 22/01/2026 và Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 3572/BC-STP ngày 29/11/2025; trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên UBND tỉnh qua Hệ thống điện tử;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất hoá, lý giống nhau trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá tính thuế

tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất hoá, lý giống nhau trên địa bàn tỉnh

1. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 1 như sau:

“a) Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Thuế tỉnh Hà Tĩnh và các cơ quan, địa phương có liên quan.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Thuế tỉnh Hà Tĩnh có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh thực hiện việc đăng ký, kê khai, tính và nộp thuế theo quy định.

b) Tổ chức thu thuế tài nguyên, niêm yết công khai Bảng giá tính thuế tài nguyên tại trụ sở cơ quan thuế và thực hiện việc quản lý thuế tài nguyên theo quy định.

c) Phối hợp với các cơ quan, địa phương rà soát định kỳ, kịp thời thông báo cho Sở Tài chính trong trường hợp phát hiện giá tính thuế tài nguyên quy định tại Điều 2 Quyết định này không còn phù hợp.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với Thuế tỉnh Hà Tĩnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên theo quy định.

b) Cung cấp thông tin Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh về Bộ Tài chính (Cục Thuế) để cập nhật cơ sở dữ liệu về giá tính thuế tài nguyên.”

4. Sửa đổi một số nội dung tại Phụ lục số II kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 30/9/2020:

a) Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình (II1); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 59.000 đồng/ m^3 ;

b) Đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá xô bồ (khoáng sản khai thác) (II2020301); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 100.000 đồng/ m^3 ;

c) Đá hộc (II2020302); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 143.000 đồng/ m^3 ;

d) Đá base A (II202030301); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 200.000 đồng/ m^3 ;

đ) Đá base B (II202030302); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 150.000 đồng/ m^3 ;

e) Đá 0,5x1 (II202030401); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 180.000 đồng/ m^3 ;

g) Đá 1x2 (II202030402); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 240.000 đồng/ m^3 ;

h) Đá 2x4 (II202030403); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 222.000 đồng/ m^3 ;

i) Đá 4x6 (II202030404); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 200.000 đồng/ m^3 ;

k) Cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn) (II501); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 75.000 đồng/ m^3 ;

l) Cát đen dùng trong xây dựng (II50201); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 120.000 đồng/ m^3 ;

m) Cát vàng dùng trong xây dựng (II50202); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 165.000 đồng/ m^3 .

5. Sửa đổi một số nội dung tại Phụ lục số V kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 30/9/2020:

a) Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên dùng để đóng chai, đóng hộp chất lượng trung bình (so với tiêu chuẩn đóng chai phải lọc bỏ một số hợp chất để hợp quy với Bộ Y tế) (V10101); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 220.000 đồng/ m^3 ;

b) Nước mặt (V201); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 4.000 đồng/ m^3 ;

c) Nước dưới đất (nước ngầm) (V202); đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 8.000 đồng/ m^3 ;

d) Nước thiên nhiên dùng mục đích khác như làm mát, vệ sinh công nghiệp, xây dựng (V303), đơn vị tính: m^3 ; giá tính thuế: 4.000 đồng/ m^3 .

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

Đối với các tổ chức, cá nhân đã thực hiện kê khai, tính thuế trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện nộp thuế thì thực hiện áp dụng theo bảng giá tính thuế tại Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN và MT;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH₂, NL₅.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

ĐẠI CHỦ TỊCH



Hồ Huy Thành